

Số: 59 /2020/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên
chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật
Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP
ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công
chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2021
và thay thế Quyết định số 1304/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết
định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Hải Dương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số
1304/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- T.trực Tỉnh ủy;
- T.trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Trung tâm CNTT thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu:VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 59 /2020/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn; phân công tổ chức bồi dưỡng; kinh phí, quyền lợi, trách nhiệm và quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức.
2. Ngoài các nội dung quy định trong Quy chế này, các nội dung khác về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ trong các cơ quan nhà nước.
2. Công chức trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện; công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
3. Những người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội có tính chất đặc thù.
4. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Việc đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, địa phương.
2. Thực hiện phân công, phân cấp, phối hợp và cạnh tranh trên cơ sở năng lực, điều kiện, tiêu chuẩn của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng để tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và theo yêu cầu của vị trí việc làm.
3. Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.
4. Đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, hiệu quả.

5. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, công nghệ thông tin, ngoại ngữ đáp ứng điều kiện về tiêu chuẩn của vị trí việc làm.

Chương II

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn chung để cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo

1. Có vị trí việc làm phù hợp với nội dung, chương trình đào tạo và phải gắn với sử dụng, quy hoạch, kế hoạch sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

2. Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công tác. Không trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật, đình chỉ công tác, đối tượng bị điều tra, kiểm tra, trong thời gian kỷ luật, đang nghỉ chế độ chính sách theo quy định.

3. Có đủ sức khỏe và đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu của từng khóa đào tạo.

Điều 5. Điều kiện cụ thể để cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học

1. Đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Nghị định số 101/2017/NĐ-CP).

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học phải căn cứ vào vị trí việc làm đang đảm nhiệm; phù hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị; gắn với chức danh quy hoạch và được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền trước khi đi dự tuyển đào tạo sau đại học.

4. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tự chi trả các khoản kinh phí học tập, học ngoài giờ hành chính và việc học tập không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị thì không áp dụng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 6. Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Thông tư số 01/2018/TT-BNV).

Điều 7. Quản lý, biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Các loại chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng, trừ các chương trình, tài liệu bồi dưỡng đã được các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, bộ ngành biên soạn và phê duyệt theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành khi được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và quyết định ban hành chương trình thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 8. Phân công tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng

1. Trường Chính trị tỉnh

a) Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

b) Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; Chương trình bồi dưỡng người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương;

c) Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương;

d) Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã;

đ) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện;

e) Tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập;

g) Bồi dưỡng các chương trình, đối tượng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh có đủ điều kiện theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý và gửi danh sách về Bộ Nội vụ để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Trường hợp các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu kế hoạch bồi dưỡng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao các cơ quan, đơn vị hợp đồng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương được cấp có thẩm quyền giao tổ chức bồi dưỡng.

Điều 9. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng

1. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng thực hiện theo Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học gửi cơ quan, đơn vị được giao phối hợp tổ chức và Sở Nội vụ.

Chương III

KINH PHÍ, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 10. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Kinh phí học lại, thi lại do kết quả học tập không đạt yêu cầu do cá nhân tự chi trả.

3. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 11. Đền bù chi phí đào tạo

1. Các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo; chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù; điều kiện được giảm chi phí đền bù; Hội đồng xét đền bù; thành lập Hội đồng xét đền bù; cuộc họp của Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù; trả và thu hồi chi phí đền bù: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Phân cấp cơ quan, đơn vị được thành lập Hội đồng xét đền bù

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo: Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét đền bù;

b) Đối với các trường hợp còn lại: Cơ quan, đơn vị nào quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo thì cơ quan, đơn vị đó thành lập Hội đồng xét đền bù.

3. Căn cứ kiến nghị của Hội đồng xét đền bù, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân cấp thành lập Hội đồng xét đền bù ban hành quyết định đền bù chi phí đào tạo.

Điều 12. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.
2. Sau khi tốt nghiệp được xem xét để hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định của tỉnh và các chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.
2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngạch, chức danh đang giữ hoặc trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, mỗi chức vụ lãnh đạo, quản lý đều phải thực hiện đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định đối với ngạch, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.
3. Kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng, trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo kết quả học tập cho cơ quan quản lý, sử dụng và sao gửi bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của khóa học đã tham gia cho cơ quan, đơn vị quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

Chương IV
QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 14. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quản lý thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
3. Việc thực hiện quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 15. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các trường hợp:
 - a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc khối Nhà nước sau khi có văn bản đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy;
 - b) Cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch (hạng chức danh nghề nghiệp) chuyên viên cao cấp và tương đương; cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhưng không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các trường hợp:

a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý thuộc khối Nhà nước sau khi có văn bản đồng ý của Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;

b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố (khu dân cư) thuộc phạm vi quản lý (Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ gửi Phòng Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định).

3. Giám đốc sở, ban, ngành; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội cấp tỉnh quyết định cử các chức danh còn lại thuộc cơ quan, đơn vị quản lý theo nguyên tắc: Cấp nào bổ nhiệm, quản lý chức danh nào thì cấp đó ban hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ:

a) Gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Gửi Phòng Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 20 tháng 8 hàng năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng 06 tháng đầu năm và xây dựng Kế hoạch, dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của năm sau gửi Sở Nội vụ.

2. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức định kỳ hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Xây dựng và phối hợp tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền biên soạn và lựa chọn chương trình bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngoài kế hoạch, trước khi mở lớp phải có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ (bằng văn bản).

5. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

6. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức; việc chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học và kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, sử dụng để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, làm căn cứ thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại,...

7. Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng gửi Sở Nội vụ thẩm định; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định hiện hành.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định và chế độ khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý hàng năm và giai đoạn 05 năm.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (bao gồm cả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài), gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung chương trình, chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

6. Thống nhất bằng văn bản đề các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngoài kế hoạch.

7. Tổ chức đánh giá các nội dung đối với khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

9. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

10. Theo dõi, tổng hợp kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

11. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan thẩm định dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đạt được các chỉ tiêu được giao, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, giai đoạn 05 năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Quản lý, kiểm tra hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thực hiện thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị.

5. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh

1. Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, 05 năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngoài kế hoạch, trước khi mở lớp phải có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ (bằng văn bản).

3. Bảo đảm đội ngũ giảng viên có đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng.

4. Tổ chức xây dựng, in ấn nội dung, chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy theo quy định.

5. Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng gửi Sở Nội vụ thẩm định; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định hiện hành.

6. Liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với các chuyên ngành, lĩnh vực mà đơn vị chưa đủ điều kiện đảm nhận.

7. Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để nghiên cứu, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái